

Số: 34/2018/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 08 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung chi, mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 năm 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 233/TTr-STC ngày 10 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định một số nội dung chi, mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan đến việc sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quy định một số nội dung chi, mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

1. Chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt 3 vụ/chu kỳ sản xuất:

a) Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm;

b) Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi) gồm các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn và Yên Lập;

c) Hỗ trợ 70% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn còn lại.

2. Nội dung chi, mức chi, quy trình hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh:

a) Nội dung chi: Hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp công trình nhà tiêu hợp vệ sinh cho các hộ gia đình (hộ nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách); trường học (nhà trẻ, mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông), trạm y tế xã.

b) Mức chi:

STT	Đối tượng	Mức chi
1.	Đối với hộ gia đình	
-	Hộ nghèo, gia đình chính sách	Ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh và tối đa không quá 5.000.000 đồng/01 nhà tiêu.
-	Hộ cận nghèo	Ngân sách nhà nước hỗ trợ 35% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh và tối đa không quá 2.500.000 đồng/01 nhà tiêu.
2.	Các đối tượng khác (Bao gồm: Trường học, Trạm y tế xã)	Ngân sách nhà nước hỗ trợ 25% dự toán công trình được phê duyệt.

3. Mức chi hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh:

a) Mức hỗ trợ hộ nghèo, gia đình chính sách: 5.000.000 đồng/01 chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt chuẩn theo quy định;

b) Mức hỗ trợ hộ cận nghèo: 2.500.000 đồng/01 chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt chuẩn theo quy định.

c) Ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt thiết kế mẫu và giá thành xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh phù hợp với điều kiện của địa phương làm căn cứ hỗ trợ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2018. Các nội dung không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại

Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 năm 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, KTTH2 (H120b) /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bui Minh Châu